

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**  
Bản án số: 43/2022/HS-ST  
Ngày: 09-8-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Cừ  
Bà Võ Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Bùi Văn T;** Sinh ngày: 02/02/1976 tại huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn B (đã chết) và bà Trần Thị H; Có vợ: Chị Trần Thị L và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/12/1997 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 1665 QĐ/UB-NC về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng (ngày 23/11/1999 chấp hành xong); Ngày 28/11/2001 bị Tòa án nhân dân thị xã Hà Tĩnh áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 29/HS-ST (ngày 10/6/2002 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích); Ngày 30/8/2004 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 1549 QĐ/UB-NC về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng (ngày 30/4/2007 chấp hành xong); Ngày 02/10/2007 bị Công an phường T thành phố H xử phạt 100.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 48/QĐ-XPHC (nộp phạt ngày 02/10/2007); Ngày 26/11/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố H áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 53/2008/HSST (ngày 10/7/2009 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích); Ngày 22/9/2010 bị Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 2765 QĐ/UBND về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở

giáo dục thời hạn 24 tháng (ngày 09/12/2012 chấp hành xong); Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2022 đến nay - *Có mặt*.

**2. Nguyễn Gia L;** Sinh ngày: 12/5/1980 tại thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Lê Thị T (đã chết) và ông Nguyễn Quang K; Vợ: Không; Có 01 con; Tiền án: 01, cụ thể: Ngày 20/8/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 204/2015/HSST (ngày 07/02/2021 chấp hành xong hình phạt tù); Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/5/1999 bị Tòa án nhân dân thị xã Hà Tĩnh áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản công dân theo Bản án số 12/HSST (Đã được xóa án tích); Ngày 20/6/2000 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án số 789/HSST (ngày 13/02/2001 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích); Ngày 11/7/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 15 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Bản án số 76/HSPT (ngày 01/9/2008 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2022 đến nay - *Có mặt*

**3. Bùi Công H;** Sinh ngày: 29/9/1973 tại huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Công N (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; Có vợ: Chị Nguyễn Thị H và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: 01, cụ thể: Ngày 17/8/2021 bị Công an phường H thành phố H xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản theo Quyết định số 1003/QĐ-XPHC (nộp phạt ngày 17/8/2021); Nhân thân: Ngày 14/5/1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên áp dụng khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự năm 1985 xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản công dân theo Bản án số 126/HSST; Ngày 12/8/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên áp dụng khoản 1 Điều 132 Bộ luật hình sự năm 1985 xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, tổng hợp hình phạt với Bản án số 126/HSST thành hình phạt chung là 27 tháng tù theo Bản án số 175/HSST (Đã được xóa án tích); Ngày 26/01/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 37/2006/HSST (ngày 23/7/2007 chấp hành xong hình phạt tù (đã được xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/3/2022 đến nay - *Có mặt*

#### **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1986; trú tại: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do – *Có mặt*

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968, trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do – *Vắng mặt*

3. Ông Lê Danh P, sinh năm 1954, trú tại: Khối phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do – *Vắng mặt*

4. Anh Trần Minh N, sinh năm 1997, trú tại: Đồn Biên phòng T - Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An – *Vắng mặt*

**Người chứng kiến:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 2000; Trú tại: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh - *Vắng mặt*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 20 phút ngày 21/3/2022 tại khu vực trước nhà số 25 đường V thuộc tổ dân phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang Bùi Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ của T 01 gói giấy màu trắng bên trong có mẫu giấy bạc kích thước 04cm x 04cm bọc cục chất bột nén màu trắng. Bùi Văn T khai nhận chất bột nén màu trắng này là ma túy Heroine của T, Nguyễn Gia L và Bùi Công H cùng góp tiền mua về để sử dụng.

Tại Bản Kết luận giám định số 431/GĐMT-PC09 ngày 25/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh kết luận: Cục chất bột nén màu trắng bọc trong mẫu giấy bạc kích thước 04cm x 04cm, bên ngoài gói bằng giấy màu trắng gửi giám định là ma túy Heroine có khối lượng 0,2395 gam. *Heroine là chất ma túy nằm trong Danh mục I, STT 09, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.* Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận nêu trên của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Khoảng 08 giờ 45 phút ngày 21/3/2022, Bùi Văn T, Nguyễn Gia L và Bùi Công H gặp nhau tại quán cà phê G ở ngã tư giao nhau giữa đường N và đường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Tại đây, Bùi Văn T có nhu cầu sử dụng ma túy Heroine nên nói với Nguyễn Gia L và Bùi Công H là “Tau mệt, có tiền không góp lấy về chơi?” thì H và L hiểu ý của T muốn cùng nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng nên cả 2 đồng ý. H góp số tiền 150.000 đồng, L góp số tiền 100.000 đồng, T góp số tiền 20.000 đồng. T cầm tiền rồi sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh gắn sim số 0941408985 của mình gọi vào số 0914315512 liên lạc với một người đàn ông tên P (không rõ thông tin, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 270.000 đồng ma túy Heroine, P đồng ý bán và nói T đi lại đầu đường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh để lấy ma túy. T nói L và H đi đến nghĩa trang M thuộc khối phố V, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh chờ T đi mua ma túy về cùng sử dụng. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NAGOASI màu đỏ đen, biển kiểm soát: 38T1-0253 của mình đi lại điểm hẹn còn L và H bắt xe tắc xi đi đến nghĩa trang M chờ. Tại điểm hẹn, T gặp và đưa số tiền 270.000 đồng cho P còn P đưa cho T 01 gói giấy màu trắng bên trong có mẫu giấy bạc kích thước 04cm x 04cm bọc ma túy Heroine. T cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe mô tô đi lại nghĩa trang M chờ để cùng L và H sử dụng ma túy. Khi Bùi Văn T đi đến khu vực trước nhà số 25 đường V

thuộc tổ dân phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh thì bị lực lượng Công an kiểm tra, T đã vút số ma túy trên xuống đường sát chỗ T đứng, lực lượng Công an yêu cầu T nhặt lên và T hành lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ cùng tang vật. Lúc này, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng với L và H. Đến 10 giờ 50 phút cùng ngày, lực lượng Công an thành phố H phát hiện L và H đang chờ T mua ma túy về sử dụng tại nghĩa trang Mụ Nồi thuộc khối phố V, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên đã T hành lập biên bản. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Gia L và Bùi Công H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng với T.

*Về vật chứng:* Thu giữ tại Bùi Văn T 0,2395 gam Heroine, trừ mẫu giám định còn lại 0,2288 gam Heroine đựng trong mẫu giấy bạc kích thước 04cm x 04cm được bọc bằng gói giấy màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh gắn sim số 0946408985 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGOASI màu đỏ, đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 38T1-0253.

Bản cáo trạng số 50/CT-VKS-TPHT ngày 05/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Gia L, Bùi Công H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Văn T từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 21/3/2022; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Gia L từ 18 đến 21 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Công H từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án; Hình phạt bổ sung: Không; Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 0,2288 gam Heroine (đã trừ mẫu giám định) cùng bao gói; Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh gắn sim số 0946408985; Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGOASI màu đỏ, đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 38T1-0253.

Tại phần tranh luận, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 21/3/2022, Bùi Văn T, Nguyễn Gia L, Bùi Công H cùng nhau góp số tiền 270.000 đồng để T mua ma túy về sử dụng chung. Vào hồi 09 giờ 20 phút ngày 21/3/2022 tại khu vực trước nhà số 25 đường V thuộc tổ dân phố 6, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Bùi Văn T đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,2395 gam Heroine để sử dụng thì bị Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, trong đó: Bùi Văn T là người khởi xướng việc mua ma túy về sử dụng và trực tiếp giao dịch mua ma túy nên giữ vai trò chính, còn Nguyễn Gia L và Bùi Công H giữ vai trò đồng phạm. Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo L đã bị kết án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt vì quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo L bị nhiễm HIV hiện đang điều trị tại Phòng khám, điều trị HIV/AIDS - Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Tĩnh, bị cáo H bị bệnh ung thư dạ dày nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ cho L và H thêm một phần hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về tiếp tục điều trị bệnh.

[4] **Về hình phạt bổ sung:** Xét các bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, bị cáo T hiện đang bị tạm giam, L và H mắc bệnh hiểm nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] **Về xử lý vật chứng:** 0,2288 gam Heroine (đã trừ mẫu giám định) cùng bao gói là công cụ, phương tiện phạm tội, vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh gắn sim số 0946408985 thu giữ của bị cáo Bùi Văn T là công cụ phương tiện phạm tội, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGOASI màu đỏ, đen đã qua sử dụng, biển kiểm soát: 38T1-0253 không liên quan trực tiếp đến hành vi tàng trữ ma túy nên trả lại cho bị cáo Bùi Văn T là phù hợp.

[6] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị

là phù hợp.

[7] Theo lời khai của Bùi Văn T thì số ma túy trên T mua của một người đàn ông tên Phúc có số điện thoại 0914315512. Theo kết quả điều tra thì chủ đăng ký thuê bao nói trên là anh Trần Minh N, sinh năm 1997, trú tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An, anh N không sử dụng số thuê bao nói trên và không thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thông tin về người đàn ông tên Phúc không đầy đủ nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

[8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố **Bùi Văn T, Nguyễn Gia L, Bùi Công H** phạm tội “**Tàng trữ trái phép chất ma túy**”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Bùi Văn T 18 (mười tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 21/3/2022.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Nguyễn Gia L 15 (mười lăm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Bùi Công H 12 (mười hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy 0,2288 gam Heroine (đã trừ mẫu giám định) cùng bao gói;
- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh số IMEI 355774103141009 gắn sim số 0946408985 thu giữ của bị cáo Bùi Văn T;
- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu NAGOASI màu đỏ đen, biển kiểm soát 38T1-0253, số khung 007675, số máy 007675 và 01 Giấy đăng ký xe.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Bùi Văn T, Nguyễn Gia L, Bùi Công H mỗi người phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND Tp Hà Tĩnh;
- THADS Tp Hà Tĩnh;
- Công an Tp Hà Tĩnh;
- THAPT; UBND phường Nam Hà;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Huyền**

